

QUYẾT TOÁN CHI, TRẢ NỢ NSDP THEO MỤC LỤC NSNN

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Năm 2024

Đơn vị: đồng

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiêu mục	Số QT
4						52.553.651.073
	802					412.154.200
		340				412.154.200
			341			412.154.200
				6000		97.923.600
					6001	97.923.600
				6100		224.442.900
					6101	4.968.000
					6111	193.752.000
					6124	25.722.900
				6300		25.427.700
					6301	16.686.180
					6302	6.683.688
					6303	2.057.832
				6650		38.360.000
					6699	38.360.000
805				7000		26.000.000
					7049	26.000.000
	805					3.760.750.201
		340				3.760.750.201
			341			3.760.750.201
				6000		920.052.000
					6001	920.052.000

UBND Thị trấn Thịnh Long

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiêu mục	Số QT
				6050		171.500.000
					6051	171.500.000
				6100		315.174.384
					6101	14.904.000
					6113	2.484.000
					6115	2.130.984
					6124	233.739.000
					6149	61.916.400
				6200		105.862.994
					6201	97.862.994
					6202	8.000.000
				6300		221.012.214
					6301	152.120.662
					6302	50.154.162
					6303	18.737.390
				6350		1.351.717.200
					6353	817.117.200
					6399	534.600.000
				6500		136.157.269
					6501	136.157.269
				6550		37.132.010
					6551	37.132.010
				6600		37.369.130
					6605	27.824.130
					6649	9.545.000
				6650		50.900.000
					6699	50.900.000

UBND Thị trấn Thịnh Long

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
				7050		8.000.000
					7053	8.000.000
				9300		405.873.000
					9301	405.873.000
	809					1.345.269.000
		040				1.345.269.000
			041			1.345.269.000
				6300		17.964.000
					6301	15.048.000
					6302	2.916.000
				6350		829.785.000
					6399	829.785.000
				7000		497.520.000
					7049	497.520.000
	810					745.749.000
		010				745.749.000
			011			745.749.000
				6350		196.395.600
					6353	33.037.200
					6399	163.358.400
				6400		107.705.000
					6401	107.705.000
				6650		28.000.000
					6699	28.000.000
				6750		2.000.000
					6751	2.000.000
				7000		366.848.400

UBND Thị trấn Thịnh Long

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
					7049	366.848.400
				7750		44.800.000
					7799	44.800.000
	811					257.737.046
		340				257.737.046
			361			257.737.046
				6000		58.125.600
					6001	58.125.600
				6100		19.188.900
					6101	3.726.000
					6124	15.462.900
				6300		13.895.796
					6301	10.771.140
					6302	1.887.624
					6303	1.237.032
				6350		132.397.200
					6353	33.037.200
					6399	99.360.000
				6650		26.420.000
					6699	26.420.000
				7000		7.709.550
					7049	7.709.550
	812					279.274.320
		340				279.274.320
			361			279.274.320
				6000		82.717.200
					6001	82.717.200

UBND Thị trấn Thịnh Long

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiêu mục	Số QT
				6100		25.336.800
					6101	3.726.000
					6124	21.610.800
				6300		23.883.120
					6301	18.605.160
					6302	3.549.096
					6303	1.728.864
				6350		132.397.200
					6353	33.037.200
					6399	99.360.000
				6650		14.940.000
					6699	14.940.000
						254.933.394
	813	340				254.933.394
			361			254.933.394
				6000		66.322.800
					6001	66.322.800
				6100		21.238.200
					6101	3.726.000
					6124	17.512.200
				6300		19.975.194
					6301	15.549.030
					6302	3.025.188
					6303	1.400.976
				6350		132.397.200
					6353	33.037.200
					6399	99.360.000

UBND Thị trấn Thịnh Long

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
				6650		15.000.000
					6699	15.000.000
	814					253.200.732
		340				253.200.732
			361			253.200.732
				6000		58.125.600
					6001	58.125.600
				6100		19.188.900
					6101	3.726.000
					6124	15.462.900
				6300		1.237.032
					6303	1.237.032
				6350		166.849.200
					6353	67.489.200
					6399	99.360.000
				6650		7.800.000
					6699	7.800.000
	819					1.914.586.155
		340				1.914.586.155
			351			1.914.586.155
				6000		209.942.820
					6001	209.942.820
				6100		69.647.850
					6101	13.662.000
					6124	55.985.850
				6300		58.723.885
					6301	38.566.395

UBND Thị trấn Thịnh Long

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
					6302	15.749.982
					6303	4.407.508
				6350		884.703.600
					6353	645.591.600
					6399	239.112.000
				7850		691.568.000
					7851	8.672.000
					7854	682.896.000
	820					803.244.270
		340				803.244.270
			361			803.244.270
				6000		82.717.200
					6001	82.717.200
				6100		26.889.300
					6101	4.968.000
					6124	21.921.300
				6300		24.180.570
					6301	17.310.510
					6302	5.116.356
					6303	1.753.704
				6350		629.197.200
					6353	516.877.200
					6399	112.320.000
				6650		40.260.000
					6699	40.260.000
	823					33.171.300
		130				33.171.300

UBND Thị trấn Thịnh Long

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
			151			33.171.300
				6300		134.100
					6302	134.100
				6350		33.037.200
					6353	33.037.200
	824					39.037.200
		340				39.037.200
			362			39.037.200
				6350		33.037.200
					6353	33.037.200
				7750		6.000.000
					7799	6.000.000
	825					48.037.200
		340				48.037.200
			362			48.037.200
				6350		33.037.200
					6353	33.037.200
				7750		15.000.000
					7799	15.000.000
	857					13.034.000
		280				13.034.000
			281			13.034.000
				7100		13.034.000
					7149	13.034.000
	860					25.047.989.957
		070				503.571.000
			071			414.171.000

UBND Thị trấn Thịnh Long

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
				9300		414.171.000
					9301	414.171.000
			072			89.400.000
				6900		89.400.000
					6907	89.400.000
		130				5.000.000
			132			5.000.000
				7750		5.000.000
					7799	5.000.000
		370				718.053.000
			371			83.125.000
				7150		83.125.000
					7157	46.325.000
					7162	36.800.000
			374			614.628.000
				7250		614.628.000
					7262	614.628.000
			398			20.300.000
				7450		20.300.000
					7499	20.300.000
		430				23.821.365.957
			434			23.821.365.957
				0950		23.821.365.957
					0961	8.398.789.500
					0963	495.323.172
					0967	14.469.512.285
					0968	457.741.000

UBND Thị trấn Thịnh Long

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
	989					17.345.483.098
		070				12.420.000
			075			12.420.000
				6100		12.420.000
					6149	12.420.000
		160				145.500.000
			161			145.500.000
				6750		45.500.000
					6799	45.500.000
				7000		100.000.000
					7049	100.000.000
		190				87.738.800
			191			87.738.800
				6300		4.701.600
					6301	3.477.600
					6302	1.224.000
				6350		33.037.200
					6353	33.037.200
				6900		50.000.000
					6905	50.000.000
		220				16.440.000
			221			16.440.000
				7000		16.440.000
					7001	16.440.000
		250				242.359.000
			261			242.359.000
				6750		242.359.000

UBND Thị trấn Thịnh Long

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
					6799	242.359.000
		280				16.822.225.298
			281			427.617.000
				6350		53.748.000
					6399	53.748.000
				6650		28.775.000
					6651	1.515.000
					6652	600.000
					6699	26.660.000
				6900		145.990.000
					6922	145.990.000
				7000		199.104.000
					7001	199.104.000
			283			402.765.000
				6350		49.680.000
					6399	49.680.000
				6900		123.880.000
					6923	123.880.000
				9300		229.205.000
					9301	229.205.000
			292			1.871.146.000
				6900		89.381.000
					6922	89.381.000
				9300		1.223.386.000
					9301	1.223.386.000
				9400		558.379.000
					9401	178.472.000

UBND Thị trấn Thịnh Long

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
					9402	379.907.000
			312			14.089.741.798
				6500		681.222.298
					6501	681.222.298
				6900		98.564.000
					6921	98.564.000
				9300		12.580.420.500
					9301	12.580.420.500
				9400		729.535.000
					9401	207.146.000
					9402	522.389.000
			338			30.955.500
				7000		30.955.500
					7049	30.955.500
		340				18.800.000
			362			18.800.000
				7750		18.800.000
					7799	18.800.000
Tổng cộng						52.553.651.073

Ngày 29 tháng 4 năm 2025

GIÁM ĐỐC KBNN

(Ký tên, đóng dấu)



**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN THỊ VÂN**

....., ngày 28 tháng 4 năm 2025

CHỦ TỊCH UBND THỊ TRẤN

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Tiến